

Factors influencing students' personal financial management: A case study of students at Quy Nhon University

ABSTRACT

The purpose of this study is to identify factors affecting personal financial management of students. The research data was collected from 492 students of Quy Nhon University. Research results represent that financial education in the family, financial knowledge and mindful expenditure style have a positive impact on students' personal financial management. Among them, mindful expenditure style is the most significant factor influencing students' personal financial management. In addition, research also shows that students' financial management is not influenced by friends. In addition, the study also proposed some recommendations to improve personal financial management skills for students.

Keywords: *Personal financial management, financial education in the family, financial knowledge, mindful expenditure style, friends.*

Các nhân tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính cá nhân của sinh viên: Nghiên cứu trường hợp sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm mục đích xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý tài chính cá nhân của sinh viên. Thông qua việc thu thập dữ liệu từ 492 sinh viên của Trường Đại học Quy Nhơn, kết quả cho thấy sự giáo dục tài chính trong gia đình, hiểu biết tài chính và phong cách chi tiêu có kiểm soát ảnh hưởng thuận chiều đến việc quản lý tài chính cá nhân của sinh viên. Trong đó, phong cách chi tiêu có kiểm soát là nhân tố ảnh hưởng lớn nhất đến quản lý tài chính cá nhân của sinh viên. Ngoài ra nghiên cứu còn cho thấy quản lý tài chính của sinh viên không bị tác động bởi bạn bè. Hơn nữa, nghiên cứu cũng đưa ra một số đề xuất nhằm tăng cường khả năng quản lý tài chính cá nhân cho sinh viên.

Từ khóa: Quản lý tài chính cá nhân, sự giáo dục của gia đình, hiểu biết tài chính, phong cách chi tiêu có kiểm soát, bạn bè.

1. GIỚI THIỆU

Hiện nay, xã hội ngày càng phát triển, công nghệ ngày càng hiện đại, nhu cầu con người không ngừng gia tăng, đòi hỏi chúng ta phải chi tiêu nhiều hơn. Vì vậy việc quản lý chi tiêu hàng ngày có vai trò rất quan trọng đối với mỗi người. Nếu chúng ta quản lý tài chính cá nhân (QLTCCN) không tốt sẽ dẫn đến thâm hụt ngân sách, từ đó sẽ ảnh hưởng đến chính bản thân mỗi người và toàn xã hội. Như vậy để giúp nâng cao chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân cũng như góp phần phát triển kinh tế xã hội bền vững, thì mọi người cần tăng cường hiểu biết về QLTCCN.

Việt Nam là quốc gia đang không ngừng phát triển, tuy nhiên trình độ dân trí tài chính còn thấp, đặc biệt là các bạn sinh viên (SV). Đây là nhóm đối tượng thường chưa biết cách kiểm soát quản lý chi tiêu nên dễ mất cân bằng tài chính, do các bạn bắt đầu rời xa vòng tay cha mẹ để bước vào cánh cửa đại học và đang bước đầu tự quản lý chi tiêu của mình. Chính vì lý do đó, việc nghiên cứu về QLTCCN của SV đang được quan tâm hơn ở Việt Nam¹⁻³ và một số quốc gia khác⁴⁻⁶. Như vậy, việc nghiên cứu QLTCCN là cấp thiết và quan trọng đối với mỗi người, đặc biệt là các bạn SV.

Bước vào môi trường đại học, SV cũng bắt đầu tự lập, hòa nhập vào môi trường mới và việc kiểm soát tài chính cũng vì vậy mà quan

trọng hơn hẳn. Ngày nay, mặc dù SV Việt Nam đã có một số hiểu biết nhất định về QLTCCN, tuy nhiên để hiểu sâu và căn kẽ hơn thì đây vẫn là một câu hỏi khó. Bởi bên cạnh việc hiểu biết về tài chính và sự giáo dục tài chính trong gia đình, thì khi bắt đầu tập tự lập trong môi trường mới, SV có thể bị ảnh hưởng chi phối bởi bạn bè và phong cách chi tiêu thể hiện rõ ràng hơn khi rời xa gia đình, điều này có thể tác động đến việc quản lý chi tiêu của mỗi cá nhân. Vấn đề này hiện nay ở Việt Nam vẫn đang bị bỏ ngỏ, chính vì vậy chủ đề “Các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCCN của SV: Nghiên cứu trường hợp SV của Trường Đại học Quy Nhơn” cần được làm rõ nhằm giúp SV có những hiểu biết hơn về thói quen chi tiêu của mình sẽ bị tác động bởi những yếu tố nào, dẫn đến việc chi tiêu hợp lý và không hợp lý, từ đó có cách quản lý tài chính tốt hơn.

Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu xác định các yếu tố ảnh hưởng đến QLTCCN của SV, để từ đó đưa ra một số khuyến nghị với gia đình, nhà trường và SV nhằm hướng SV đến thói quen chi tiêu có kế hoạch, hợp lý, có ích cho cả gia đình và xã hội. Phạm vi nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học Quy Nhơn với sự tham gia khảo sát của 429 SV.

Kết quả cho biết có 3 nhân tố ảnh hưởng đến QLTCCN của SV gồm giáo dục tài chính

trong gia đình, hiểu biết về tài chính và phong cách chi tiêu có kiểm soát. Các nhân tố này đều tác động tích cực đến QLTCNN của SV. Tuy nhiên, nghiên cứu không tìm thấy ảnh hưởng từ bạn bè đến QLTCNN của SV. Đây là căn cứ để đề xuất các khuyến nghị giúp SV nâng cao sự hiểu biết và khả năng QLTCNN.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

2.1. Quản lý tài chính cá nhân

Trong xã hội hiện đại, mỗi cá nhân cũng giống như các doanh nghiệp, họ cũng có các khoản thu nhập, chi tiêu, những cơ hội đầu tư... nhằm thực hiện những mục tiêu riêng cùng với những khó khăn, rủi ro, cơ hội và thách thức có thể đôi mặt. Ở các doanh nghiệp, họ có các công cụ tài chính cùng với những nhân viên kế toán tài chính chuyên nghiệp nên việc quản lý chi tiêu, thu nhập, đầu tư thuận lợi hơn. Trong khi đó, đối với cá nhân để có thể quản lý tốt tình hình tài chính thì mỗi người phải tự trang bị cho mình sự hiểu biết cũng như kinh nghiệm trong việc QLTCNN.

QLTCNN đề cập đến việc quản lý tiền nhằm đảm bảo an ninh tài chính ngắn hạn và dài hạn. Cụ thể, “QLTCNN là một tập hợp các hành vi bao gồm quản lý tiền mặt, quản lý tín dụng, lập kế hoạch tài chính, đầu tư, bảo hiểm, lập kế hoạch nghỉ hưu và lập kế hoạch tài sản”⁷. Như vậy, QLTCNN là việc theo dõi, kiểm tra, kiểm soát chi tiêu, thu nhập, tiết kiệm và đầu tư của mỗi cá nhân nhằm đạt được những kế hoạch đã đề ra, đồng thời tránh khỏi những rủi ro về mất cân bằng tài chính.

2.2. Ý nghĩa của việc QLTCNN đối với SV

Ngày nay, việc quản lý tài chính sao cho cho hiệu quả có ý nghĩa rất lớn với các bạn SV, nhất là những SV đi học xa nhà. Đây là những đối tượng đang dần tập chủ động quản lý chi tiêu của mình mà ít có sự kiểm soát sát sao từ gia đình với nhiều cám dỗ từ bên ngoài.

Nhiều SV thường không nhìn nhận tình hình tài chính của mình, mà chỉ lo đua đòi so sánh mình với người khác⁶. Điều này là do lối sống hiện tại khiến họ muốn thể hiện với bạn bè, tặng các khoản chi tiêu không hợp lý, cụ thể là phân bổ các khoản tiền đáng lẽ để chi tiêu cho các nhu cầu cơ bản nhưng lại sử dụng để giải trí, dẫn đến việc hết tiền trước kỳ cha mẹ gửi sinh hoạt phí tiếp theo⁸.

Trong thời kỳ kinh tế phát triển mạnh mẽ, nhiều SV không giỏi xác định quy mô ưu tiên của nhu cầu và quản lý tài chính⁹. Theo Amanita

(2017), QLTCNN là một trong những nghệ thuật và khoa học trong việc QLTCNN và gia đình¹⁰. Một người không có hiểu biết về tài chính có thể gặp khó khăn trong việc QLTCNN¹¹. Nếu ai đó không giỏi quản lý tài chính của mình, thì chi tiêu của anh ta sẽ mất kiểm soát và có thể tự gây hại cho chính mình⁴. Khi có kiến thức QLTCNN sẽ giúp cho mỗi người đưa ra các quyết định tài chính hợp lý để cải thiện phúc lợi cuộc sống¹².

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Mô hình nghiên cứu

Khi biết cách QLTCNN tốt sẽ giúp cuộc sống của mỗi cá nhân dần trở nên thoải mái hơn và không bị căng thẳng về mặt tài chính. Một số nghiên cứu đã cho rằng giáo dục tài chính trong gia đình⁴, hiểu biết về tài chính¹³, bạn bè¹⁴ và phong cách chi tiêu¹⁵ là những nhân tố ảnh hưởng đến QLTCNN.

Rosa và Listiadi cho rằng sự giáo dục tài chính trong gia đình sẽ tác động đến QLTCNN của SV⁴. Dạy con cái QLTCNN có thể nói là một cách giáo dục thông minh bởi điều này giúp những đứa trẻ hiểu về tiền bạc và sự vất vả, khó nhọc để có được đồng tiền. Đồng thời nó sẽ phát triển các kỹ năng quản lý tài chính, xây dựng ý thức tiết kiệm và sử dụng tiền một cách có trách nhiệm, tránh lãng phí và nợ nần không cần thiết. Những việc này phải được cha mẹ chỉ bảo từ nhỏ để hình thành cho con trẻ những thói quen tốt, giúp tạo dựng nền tảng tài chính tốt trong tương lai. Ngoài ra theo Wulandari và Hakim, giáo dục tài chính trong gia đình có ảnh hưởng tích cực đến QLTCNN của SV vì cha mẹ là người thầy đầu tiên trong việc giáo dục hướng dẫn con cái quản lý tiền và là hình mẫu cho chúng¹⁶. Chính vì vậy nghiên cứu cho rằng giáo dục tài chính trong gia đình có tác động cùng chiều đến việc QLTCNN của SV.

Giả thuyết H1. Giáo dục tài chính trong gia đình có ảnh hưởng tích cực trong việc QLTCNN của SV.

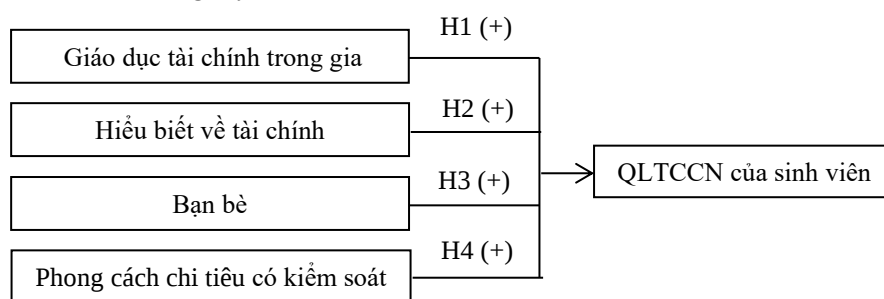
Hiểu biết về tài chính giúp SV làm chủ trong chi tiêu cũng như dễ dàng giải quyết những vấn đề liên quan đến quyết định tài chính. Hiểu biết tài chính cung cấp kiến thức giúp đánh giá, lựa chọn và đưa ra các quyết định tài chính thông minh, sáng suốt. Mức độ hiểu biết của một người về tài chính càng tốt thì khả năng QLTCNN của họ càng tốt¹⁸. Do đó, hiểu biết về tài chính có ảnh hưởng tích cực với QLTCNN của SV.

Giả thuyết H2. Hiểu biết về tài chính có tác động tích cực trong việc QLTCNN của SV.

Một trong những nhân tố đóng vai trò quan trọng trong của việc QLTCN là sự hỗ trợ từ bạn bè¹⁴. Khi bắt đầu vào môi trường đại học, SV dần tập tữ chủ hơn, đặc biệt là các bạn sống xa gia đình. Lúc này các bạn dành nhiều thời gian hơn cho các bạn cùng lứa tuổi, giao lưu và tiếp xúc nhiều hơn. Điều đó khiến cho SV dễ dàng bị ảnh hưởng tính nết bởi bạn bè⁴. Nếu có những người bạn tốt, có sự am hiểu về tài chính, có kế hoạch chi tiêu hợp lý giúp bản thân SV nâng cao được khả năng QLTCN của mình đồng thời cũng học hỏi được từ bạn bè những thói quen tốt. Như vậy, bạn bè có tác động tích cực đến việc QLTCN của SV.

Giả thuyết H3. Bạn bè có mối quan hệ thuận chiều với QLTCN của SV.

Khi quản lý tiền của mình, mọi người đưa ra nhiều quyết định khác nhau, chẳng hạn như liệu số tiền họ có trong tay có nên được chi tiêu



Hình 1. Mô hình nghiên cứu.

3.2. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

Để nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV, bảng hỏi đã được thiết kế dựa trên mô hình nghiên cứu. Để hoàn thiện bảng hỏi này, nghiên cứu đã tiến hành xin ý kiến chuyên gia và phỏng vấn thử 15 SV nhằm kiểm tra mức độ rõ ràng của bảng hỏi, cũng như sự phù hợp của các câu hỏi với mô hình nghiên cứu.

Việc thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua khảo sát từng sinh viên của Trường Đại Học Quy Nhơn với sự hỗ trợ của Google Forms. Danh sách SV khảo sát được chọn ngẫu nhiên với sự trợ giúp của các Fanpage ở Trường. Sau quá trình khảo sát, kết quả cho thấy có tổng cộng 492 phiếu điều tra hợp lệ được thu thập và sử dụng làm dữ liệu cho nghiên cứu.

Để đánh giá thang đo, nghiên cứu tiến hành phân tích hệ số tin cậy Cronbach alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA. Đồng thời thông qua phân tích hồi quy bội để kiểm định các giả thuyết của mô hình về các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV tại Trường Đại học Quy Nhơn.

sau này hay không, nên tiêu nó vào những thú vui bất thường hay những nhu cầu thiết yếu. Chi tiêu có kiểm soát là phong cách chi tiêu liên quan đến việc hạn chế chi tiêu, kiểm soát chi tiêu hiệu quả hơn. Cụ thể những người theo phong cách chi tiêu này có khả năng tự chủ cao, không nhượng bộ những ham muốn mà thường hạn chế chi tiêu để có thể tiêu tiền trong tương lai vào những việc quan trọng hơn đối với họ, điều này sẽ mang lại cho họ nhiều niềm vui hơn¹⁷. Do đó, phong cách chi tiêu có kiểm soát quan hệ thuận chiều với QLTCN của SV.

Giả thuyết H4. Phong cách chi tiêu có kiểm soát ảnh hưởng tích cực đến việc QLTCN của SV.

Như vậy, để xác định các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV tại Trường Đại học Quy Nhơn, mô hình nghiên cứu được đề xuất như sau:

Nguồn: Tác giả đề xuất

4. KẾT QUẢ KIỂM ĐỊNH

4.1. Kiểm định thang đo

Để đảm bảo độ tin cậy của thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV Trường ĐHQN, hệ số tin cậy Cronbach alpha được xác định. Hầu hết các biến quan sát trong nghiên cứu đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và hệ số Cronbach alpha của các thang đo đều vượt qua ngưỡng 0,7. Điều này cho thấy thang đo hiện tại là đáng tin cậy và có tính chất đo lường tốt. Do đó, nó đáp ứng các yêu cầu để tiếp tục phân tích nhân tố khám phá trong nghiên cứu. Tuy nhiên, trong thang đo giáo dục tài chính trong gia đình, hai biến quan sát GD4 và GD5 đã không đáp ứng yêu cầu về hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và đã bị loại bỏ. Đáng chú ý là, sau khi loại bỏ hai biến này, hệ số Cronbach alpha của thang đo đã tăng lên.

Trong quá trình phân tích nhân tố khám phá (EFA), nghiên cứu đã sử dụng phương pháp trích hệ số là Principal Component Analysis (PCA) và áp dụng phép xoay Varimax để nhóm các nhân tố lại với nhau. Kết quả tại bảng 1 cho thấy phân tích nhân tố EFA rất thích hợp bởi hệ

số KMO bằng 0,867 (lớn hơn 0,5) với mức ý nghĩa sig bằng 0,000 và đã rút trích ra được 4 nhóm nhân tố.

Bảng 1. Kết quả phân tích nhân tố khám phá thang đo các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV Trường Đại học Quy Nhơn

Mã hóa	Biến quan sát	Nhân tố			
		1	2	3	4
HB3	Tôi đang tích lũy để đầu tư tài chính	0,819			
HB4	Tôi quan tâm đến các chỉ số lạm phát và mức độ lạm phát	0,781			
HB5	Tôi chia nhỏ các khoản tiền đang có để đầu tư	0,773			
HB1	Tôi hay theo dõi lãi suất tiền gửi tại các ngân hàng	0,734			
HB2	Tôi thường xuyên cập nhật giá cả trên thị trường	0,729			
GD2	Tôi luôn nhìn cách chi tiêu của cha mẹ để học tập		0,823		
GD1	Tôi được cha mẹ hướng dẫn cách sử dụng tiền hợp lý		0,821		
GD3	Cha mẹ giúp tôi hiểu về giá trị của đồng tiền		0,775		
PCCT4	Tôi ít khi có những khoản nợ vào cuối tháng			0,717	
PCCT5	Tôi có quỹ dự phòng cho riêng mình			0,682	
PCCT1	Tôi thường tính toán và suy nghĩ kỹ trước khi quyết định mua những món hàng mà mình thích			0,661	
PCCT2	Tôi thường nhớ chính xác trong ví (túi) có bao nhiêu tiền			0,613	
PCCT3	Tôi thường quan tâm đến hàng giảm giá			0,605	
BB2	Tôi luôn nhờ bạn bè tư vấn khi muốn mua một cái gì đó				0,757
BB1	Tôi thích đi mua sắm với bạn bè				0,707
BB4	Phong cách sống của bạn bè có ảnh hưởng đến cách tôi chi tiêu				0,674
BB3	Tôi hay cho bạn bè mượn tiền				0,673
	Eigenvalues	5,492	2,161	1,669	1,116
	Phương sai rút trích (%)	18,998	14,859	14,503	13,042
	Cronbach alpha	0,856	0,848	0,705	0,753

Nguồn: Kết quả phân tích nhân tố EFA từ số liệu điều tra

Thang đo QLTCN gồm 8 biến quan sát. Sau khi đạt độ tin cậy thông qua kiểm tra bằng Cronbach alpha, nghiên cứu tiếp tục kiểm định mức độ hội tụ của các biến quan sát. Kết quả tại bảng 2 cho thấy phân tích nhân tố EFA thích

hợp bởi hệ số KMO bằng 0,873 (lớn hơn 0,5) với mức ý nghĩa sig bằng 0,000 và đã trích được 1 nhân tố duy nhất dùng để giải thích thang đo QLTCN của SV là hợp lý.

Bảng 2. Kết quả phân tích nhân tố khám phá thang đo QLTCN của SV

Mã hóa	Biến quan sát	Nhân tố
		1
QLTC4	Tôi coi trọng rèn luyện thói quen quản lý tiền bạc	0,846
QLTC3	Tôi coi trọng việc kiểm soát chi tiêu mỗi tháng	0,829
QLTC8	Tôi theo dõi các khoản chi tiêu và điều chỉnh nếu cần thiết	0,810
QLTC1	Tôi coi trọng việc lập kế hoạch chi tiêu và tuân thủ kế hoạch đó	0,778
QLTC7	Cách tôi quản lý tiền ở hiện tại có ảnh hưởng đến tương lai của tôi	0,693
QLTC6	Tôi cân nhắc các sự lựa chọn khác nhau khi mua hàng trả góp	0,677
QLTC2	Tôi coi trọng việc thiết lập các mục tiêu tài chính trung hạn (3-5 năm)	0,669
QLTC5	Tôi luôn ghi chép lại các khoản thu, chi của mình	0,637
	Eigenvalues	4,455
	Phương sai rút trích (%)	55,688

Nguồn: Kết quả phân tích nhân tố EFA từ số liệu điều tra

4.2. Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Hầu hết hệ số tương quan giữa biến QLTCN và các biến khác trong ma trận tương

quan đều vượt qua ngưỡng 0,5, chỉ trừ biến bạn bè (BB) có hệ số tương quan là 0,28. Điều đáng chú ý là hệ số tương quan giữa các biến độc lập đều bằng 0, cho thấy sự không tồn tại mối quan

Bảng 3. Tóm tắt kết quả mô hình hồi quy tương quan bội

hệ tuyến tính giữa chúng. Điều này chứng tỏ các biến này hoàn toàn độc lập và không có sự phụ thuộc hay tương tác lẫn nhau.

Mô hình	Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy đã chuẩn hóa	Giá trị t	Mức ý nghĩa	Đa cộng tuyến	
	B	Độ lệch chuẩn	Beta			Độ chấp nhận	VIF
Hằng số	0,448	0,132		3,398	0,001		
GD	0,184	0,030	0,211	6,148	0,000	0,672	1,488
HB	0,255	0,026	0,311	9,786	0,000	0,784	1,276
BB	-0,026	0,028	-0,028	-0,911	0,363	0,840	1,190
PCCT	0,476	0,035	0,475	13,579	0,000	0,645	1,550
R ² điều chỉnh = 0,612		Giá trị kiểm định F = 194,601			Mức ý nghĩa = 0,000		

Biến phụ thuộc: QLTC

Từ bảng 3, chúng ta có thể thấy giá trị kiểm định F là 194,601 với mức ý nghĩa rất nhỏ (sig. = 0,000). Điều này chứng tỏ rằng mô hình hồi quy tuyến tính bội là phù hợp với tập dữ liệu và có thể được sử dụng. Hơn nữa, các biến độc lập không có mối quan hệ chặt chẽ với nhau nên không có hiện tượng đa cộng tuyến, do hệ số VIF nhỏ (dưới 2). Sự tương thích của mô hình với biến quan sát được thể hiện bởi hệ số R² điều chỉnh, có giá trị là 0,612. Điều này cho thấy mô hình có khả năng giải thích khoảng 61,2% sự biến thiên của biến phụ thuộc QLTC (QLTCN của SV) bằng các biến độc lập có trong mô hình. Đây là một tỷ lệ tương đối cao, ngụ ý rằng mô hình có khả năng khá tốt trong việc dự đoán và giải thích biến phụ thuộc dựa trên 3 biến độc lập.

Dựa trên kết quả hồi quy ở bảng 3, hàm hồi quy về các nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV có dạng như sau:

$$QLTC = 0,211GD + 0,311HB + 0,475PCCT$$

Từ phương trình trên, ta có thể thấy rằng mỗi yếu tố trong mô hình hồi quy đều có tác động tỷ lệ thuận đến QLTCN của SV. Điều này được biểu diễn bởi các hệ số beta chuẩn hóa, mà tất cả đều là dương. Trong đó có 3 thành phần đo lường các nhân tố đều có ảnh hưởng đáng kể đến việc QLTCN của SV (với mức ý nghĩa sig dưới 0,05). Tuy nhiên, biến bạn bè (BB) không có ảnh hưởng đến QLTCN của SV vì không có ý nghĩa thống kê.

5. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu xác định có 3 nhân tố ảnh hưởng đến QLTCN của SV trường ĐHQN là giáo dục tài chính trong gia đình, hiểu biết về tài chính và phong cách chi tiêu có kiểm soát.

Nguồn: Kết quả phân tích hồi quy từ số liệu điều tra

Trong đó nhân tố phong cách chi tiêu có kiểm soát được xác định có ảnh hưởng lớn nhất đến QLTCN của SV, với hệ số beta chuẩn hoá là 0,475, cao nhất so với các nhân tố còn lại (hiểu biết tài chính và giáo dục tài chính trong gia đình). Mặt khác, kết quả cho biết bạn bè không ảnh hưởng đến việc QLTCN của SV. Tức việc QLTCN của SV không bị ảnh hưởng từ bạn bè mà bởi chính bản thân mỗi SV.

Phong cách chi tiêu có kiểm soát của mỗi SV ảnh hưởng lớn nhất đến việc QLTCN của họ. Hay nói cách khác chính bản tính chi tiêu này giúp cho SV QLTCN tốt và hiệu quả hơn. Họ biết cách kiểm soát tính toán các khoản chi tiêu nào là cần thiết và quan trọng với họ, đồng thời không bị cám dỗ với những ham muốn nhất thời, từ đó giúp cho họ QLTCN tốt và thiết lập được các mục tiêu tài chính trong tương lai. Ngược lại nếu SV không làm chủ được mình, chi tiêu không có kiểm soát và kế hoạch hợp lý thì sẽ khó mà chi tiêu đủ và không có dư để tiết kiệm.

Bên cạnh đó, sự hiểu biết về tài chính cũng có tác động đáng kể đến QLTCN của SV. SV có hiểu biết về tài chính tốt sẽ biết cách thức quản lý tài chính của mình tốt hơn. Trình độ hiểu biết tài chính của một người càng cao họ sẽ càng giỏi hơn trong việc đưa ra quyết định về tài chính của mình¹⁸. Luhsasi cho rằng kiến thức tài chính mà SV ở trường đại học hoặc từ các môi trường khác có được sẽ vô thức có tác động đến QLTCN của SV¹⁹.

Hơn nữa, việc giáo dục tài chính trong gia đình là rất cần thiết vì nó ảnh hưởng đến việc QLTCN của SV. Những cá nhân có cách quản lý tài chính tốt đều bắt nguồn từ cách giáo dục

tài chính trong gia đình họ⁵. Ameliawati và Setiyani cho rằng nếu một đứa trẻ được giáo dục tài chính từ gia đình, nó sẽ có xu hướng khôn ngoan trong việc quản lý tài chính của mình²⁰.

Khi bước vào môi trường đại học, sinh viên cũng bắt đầu tự lập và hòa nhập vào môi trường mới. Vì vậy, việc kiểm soát tài chính trở nên cực kỳ quan trọng và cần thiết hơn bao giờ hết. Do đó, để hướng SV đến thói quen chi tiêu có kế hoạch, vừa lành mạnh, hợp lý mà lại có ích cho cả gia đình và xã hội thì trọng trách đầu tiên là từ gia đình. Vai trò của gia đình trong việc giáo dục quản lý tài chính cho con em là vô cùng quan trọng và có tầm ảnh hưởng lớn. Cha mẹ nên cho con hiểu giá trị của đồng tiền và tập cho chúng các thói quen tốt, tự lập trong việc quản lý tài chính khi chúng còn nhỏ. Bên cạnh đó, nhà trường là một nhân tố đóng vai trò quan trọng không kém tới việc hình thành nên thói quen tốt trong việc QLTCN của mỗi SV. Bởi vì sau gia đình thì phần lớn thời gian còn lại của SV đều ở trường, tiếp xúc với bạn bè và thầy cô, chính vì thế mà nhà trường cần đưa ra các biện pháp tạo điều kiện cho SV tham gia các lớp học cơ bản về quản lý tài chính. Ngoài ra, nhà trường có mở thể các câu lạc bộ về quản lý tài chính tại đây các SV có thể giao lưu chia sẻ với nhau về các cách quản lý tiền hiệu quả cùng lúc đó nhà trường có thể mở các môn học về đầu tư tài chính, QLTCN cho tất cả SV mọi ngành thay vì chỉ những ngành kinh tế như hiện nay. Cùng lúc đó nhà trường có thể mời các chuyên gia về tài chính để hỗ trợ tư vấn cho các SV khi đi học xa gia đình. Chính vì thế mà SV cần chủ động hơn trong việc lắng nghe, tiếp thu học hỏi các bài học tài chính từ cha mẹ, nhà trường và thầy cô, trang bị tốt kiến thức giúp SV tránh được thói quen không tốt trong việc quản lý tài chính. Và điều quan trọng nhất đó là bản thân của mỗi SV cần có ý thức trong việc quản lý tài chính của mình, tích cực tham gia các khóa học, các câu lạc bộ hay các cuộc thi về quản lý tài chính để trau dồi kinh nghiệm cho bản thân. Đặc biệt SV cần phải thường xuyên học hỏi, tập cho mình thói quen lập kế hoạch, đưa ra các mục tiêu về tài chính. Việc này giúp cho mỗi SV hoàn thành được mục tiêu trong học tập và cuộc sống của mình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Long Hậu, Lê Tấn Nghiêm và Nguyễn Lê Trang Anh. Các nhân tố ảnh hưởng đến kỹ năng quản lý ngân quỹ cá nhân của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, **2019**, 55(Số chuyên đề: Kinh tế), 127-134
2. Trương Thanh Hằng, Nguyễn Thị Thanh Thủy, Hoàng Thị Phương Thảo, Trần Hoài Thu, Hoàng Ngọc Quỳnh Trang, Bùi Tuấn Việt. Các nhân tố tác động đến kỹ năng QLTCN của sinh viên trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. *Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương*, **2022**, tháng 5/2022, 88-90
3. Trần Thị Mai Ly, Nguyễn Phương My, Lê Thị Thanh Thảo, Trương Việt Phong. Các nhân tố ảnh hưởng đến kỹ năng quản lý tài chính của sinh viên. *Kinh tế và Dự báo*, **2023**, 102-105
4. Rosa, I., Listiadi, A. Pengaruh literasi keuangan, pendidikan keuangan di keluarga, teman sebaya, dan kontrol diri terhadap manajemen keuangan pribadi. *Jurnal Manajemen*, **2020**, 12(2), 244-252.
5. Dewi, M. Z., Listiadi, A. Pengaruh Status Sosial Ekonomi, Pendidikan Pengelolaan Keuangan Keluarga dan Literasi Keuangan terhadap Manajemen Keuangan Pribadi Siswa Akuntansi SMK. *Edukatif: Jurnal Ilmu Pendidikan*, **2021**, 3(6), 3544-3552.
6. Salsabilla, S. I., Tubastuvi, N., Purnadi, P., Innayah, M. N. Factors Affecting Personal Financial Management. *Jurnal Manajemen Bisnis*, **2022**, 13(1), 168-184.
7. Dowling, N. A., Corney, T., Hoiles, L., Financial Management Practices and Money Attitudes as Determinants of Financial Problems and Dissatisfaction in Young Male Australian Workers. *Journal of Financial Counseling and Planning*, **2009**, 20(2), 5-13.
8. Farida, M. N., Soesatyo, Y., & Aji, T. S. Influence of Financial Literacy and Use of Financial Technology on Financial Satisfaction through Financial Behavior. *International Journal of Education and Literacy Studies*, **2021**, 9(1), 86-95.
9. Ernawatiningsih, N. P. L. Analisis Determinan Terhadap Manajemen Keuangan Mahasiswa Program Studi Akuntansi Di Perguruan Tinggi Swasta Kota Denpasar. *Jurnal Bakti Saraswati (JBS): Media Publikasi Penelitian dan Penerapan Ipteks*, **2018**, 7(1), 77-87.
10. Amanita, N. Y. Pengaruh Literasi Keuangan Terhadap Pengelolaan Keuangan Pribadi. *Jurnal Nominal*, **2017**, 6(1), 11-26.
11. Kirui, Z., Simiyu, E., & Ngaba, D. Personal Financial Management Practices and Demographic Factors on Financial Wellbeing of Medical Doctors Employed in Public Hospitals Nairobi County, Kenya. *International Journal of Current Aspects in Finance, Banking and Accounting*, **2021**, 3(2), 30-50.
12. Bapat, D. Exploring Antecedents to Financial Management Behavior for Young Adults. *Journal of Financial Counseling and Planning*, **2019**, 30(1), 44-55.

13. Yushita, A. N. Pentingnya Literasi Keuangan Bagi Pengelolaan Keuangan Pribadi. *Nominal, Barometer Riset Akuntansi dan Manajemen*, **2017**, 6(1).
14. Nuryana, I., & Wicaksono, A. Pengaruh Sikap Keuangan, Teman Sebaya, dan Kecerdasan Spiritual Melalui Kontrol Diri Terhadap Perilaku Pengelolaan Keuangan. *Economic Education Analysis Journal*, **2020**, 9(3), 940-958.
15. Aulianingrum, R., & Rochmawati, R. Pengaruh Literasi Keuangan, Status Sosial Ekonomi Orang Tua, dan Gaya Hidup Terhadap Pengelolaan Keuangan Pribadi Siswa. *Jurnal Pendidikan Ekonomi: Jurnal Ilmiah Ilmu Pendidikan, Ilmu Ekonomi dan Ilmu Sosial*, **2021**, 15(2), 198-206.
16. Wulandari, W., & Hakim, L. Pengaruh Love of Money, Pendidikan Keuangan di Keluarga, Hasil Belajar Manajemen Keuangan, dan Teman Sebaya Terhadap Manajemen Keuangan Pribadi Mahasiswa. *Jurnal Pendidikan Akuntansi (JPAK)*, **2016**, 4(3).
17. Maison, D. What shapes spending styles: demographics, income or individual psychological traits? *Journal of Insurance, Financial Markets and Consumer Protection*, **2018**, 29, 3-26
18. Hariani, L. S., & Andayani, E. Manajemen keuangan pribadi: literasi ekonomi, literasi keuangan, dan kecerdasan spiritual. *Jurnal Ekonomi Modernisasi*, **2020**, 15(3), 162-170.
19. Luhsasi, D. Pengelolaan Keuangan: Literasi Keuangan dan Gaya Hidup Mahasiswa. *Ecodynamika*, **2021**, 4(1).
20. Ameliawati, M., & Setiyani, R. The Influence of Financial Attitude, Financial Socialization, and Financial Experience to Financial Management Behavior with Financial Literacy as the Mediation Variable. *KnE Social Sciences*, **2018**, 3(10), 811–832